

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới
một số cầu sập và xuống cấp
Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai
tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 20/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 04 Tiểu dự án tại các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Ninh Thuận thuộc dự án “Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung”, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh tại Tờ trình số 60/TTr-BQL ngày 28/3/2017 và thông báo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 323/SGTVT-GT ngày 27/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số cầu sập và xuống cấp thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.

2. Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới một số cầu sập và xuống cấp.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

4. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Giao thông Bình Định

5. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Phan Thanh Thắng.

6. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6.1 Mục tiêu tổng thể của dự án:

Khắc phục hậu quả thiên tai thông qua việc tái thiết các công trình hạ tầng ưu tiên thiệt hại nặng nề bởi bão lụt năm 2016 và tăng cường khả năng đề ứng phó hiệu quả đối với các vấn đề thiên tai trong tương lai. Cụ thể:

- Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (đê, kè sông, đập dâng, kênh tưới tiêu,...) nhằm khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra.

- Khắc phục hư hỏng đối với các công trình hạ tầng giao thông để phục vụ việc đi lại của nhân dân, giao thương hàng hóa, phát triển sản xuất.

6.2. Mục tiêu cụ thể của dự án thành phần:

- Sửa chữa, khắc phục cải tạo, nâng cấp và xây mới một số công trình cầu bị sập và hư hỏng nặng do thiên tai nhằm khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân. Đảm bảo công tác cứu hộ, cứu nạn được kịp thời, kết nối hệ thống giao thông thông suốt trên các tuyến đường kết hợp với biện pháp phòng chống để giảm thiểu thiệt hại trong trường hợp mưa lũ xảy ra.

- Nâng cao khả năng liên kết vùng, thúc đẩy sản xuất kinh tế và hàng hóa, cải thiện môi trường và tăng tính liên kết giữa các địa bàn phát triển năng động trong khu vực cũng như với những địa bàn hành lang ven biển, vùng sâu, vùng xa, các vùng miền núi và các khu vực khó khăn hơn.

7. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới 09 cầu trên địa bàn tỉnh Bình Định

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Hoài Nhơn, huyện Hoài Ân, huyện Phù Mỹ, huyện Phù Cát và huyện Tuy Phước.

9. Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích sử dụng đất 4,43 ha.

Trong đó:

- Diện tích chiếm đất vĩnh viễn: 2,33 ha;

- Diện tích chiếm đất tạm thời: 2,1ha.

10. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

Nh
2

11. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

12. Phương án thiết kế cơ sở:

12.1. Cầu Trắng tại Km91 + 670 của tuyến ĐT.639B:

a. Quy mô xây dựng cầu:

Cầu Trắng tại Km91+670 của tuyến ĐT.639B được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 với các thông số kỹ thuật sau:

- Kết cấu BTCT thường lắp ghép, vượt lũ lịch sử.
- Tần suất lũ thiết kế $P=1\%$.
- Tải trọng thiết kế HL93.
- Khổ cầu: $B = 8+2 \times 0,5 = 9,0\text{m}$ (không có lề bộ hành)
- Chiều dài nhịp $L_{nhịp} = 18\text{m}$ gồm 2 nhịp.
- Chiều dài toàn cầu $L_{toàn cầu} = 49,55\text{m}$.
- Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm.

b. Quy mô xây dựng đường:

Đường hai bên đầu cầu có chiều dài $L = 226,65\text{m}$ được thiết kế theo qui mô như sau:

- Xây dựng đường theo tiêu chuẩn đường cấp IV địa hình đồng bằng và đồi theo TCVN 4054-05.

- Kết cấu mặt đường bằng BTXM.

- Khổ đường: $B = 7+1,0 \times 2 = 9,0\text{m}$

Trong đó: + Bề rộng mặt đường: $B_m = 7,0\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_{lề} = 1,0 \times 2 = 2,0\text{m}$;

- Tốc độ thiết kế: $V = 40 \text{ Km/h}$

- Tải trọng trục thiết kế: trục xe 10T.

12.2. Cầu Dịch Nghi tại Km17+415 của tuyến ĐT.634:

a. Qui mô xây dựng cầu:

Cầu Dịch Nghi được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 với các thông số kỹ thuật sau:

- Cầu xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT thường lắp ghép.
- Tải trọng thiết kế: HL93.
- Bề rộng mặt cầu: 7m.
- Chiều dài nhịp mỗi nhịp: $L_n = 18\text{m}$, gồm 2 nhịp
- Chiều dài toàn cầu $L_c = 55,95\text{m}$.
- Bề rộng xe chạy: $B_m = 6\text{m}$.
- Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm.
- Tần suất lũ thiết kế $P=1\%$.

b. Qui mô xây dựng đường:

- Thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005 với quy mô đường cấp VI địa hình đồi và đồng bằng.

- Chiều dài thiết kế: $L = 16,45\text{m}$ (phía mố M1), $L = 16,02\text{m}$ (phía mố M2)

- Tốc độ thiết kế: $V = 30 \text{ km/h.}$

- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,5 \text{ m}$

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5 \text{ m}$

- Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 1,5 = 3,0\text{m}$

- Mái taluy nền đào: $m=1,0$

- Mái taluy nền đắp: $m=1,5.$

(Đường đầu cầu xây dựng mới: gia cố lề mỗi bên 1,5m)

- Gia cố rãnh bên trái đường đầu cầu phía mố M1, $L = 13\text{m}.$

12.3. Cầu Suối Sạn tại Km1+100 của tuyến ĐH.11:

a. Qui mô xây dựng cầu:

Cầu Suối Sạn được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 với các thông số kỹ thuật sau:

- Cầu xây dựng bằng BTCT.

- Tải trọng thiết kế: 0,65HL93

- Bề rộng mặt cầu: 6,5m.

- Chiều dài nhịp: $L_n = 12\text{m}$, gồm 1 nhịp. Kết cấu dầm BTCT lắp ghép.

- Chiều dài toàn cầu $L_c = 22,10\text{m}.$

- Không lề bộ hành.

- Tần suất lũ thiết kế $P=4\%.$

- Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm.

b. Quy mô xây dựng đường:

Tuyến đường hai đầu cầu được khôi phục, sửa chữa theo tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054-2005 với quy mô đường cấp VI địa hình đồi và đồng bằng, tốc độ thiết kế $V_{tk} = 30\text{Km/h}.$

- Chiều dài đường đầu cầu: $L = 150,62\text{m}.$

- Mặt cắt ngang tuyến:

+ Nền đường rộng 6,50m.

+ Mặt đường rộng 3,50m.

+ Lề đường gia cố rộng $2 \times 1,0\text{m}.$

+ Lề đường không gia cố rộng $2 \times 0,5\text{m}.$

+ Kết cấu mặt đường và lề gia cố bằng BTXM.

12.4. Cầu Phú Sơn tại Km0+600 của tuyến SH.02:

a. Quy mô xây dựng cầu:

Cầu Phú Sơn được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 với các thông số kỹ thuật sau:

- Cầu xây dựng bằng BTCT.
- Tải trọng thiết kế: 0,65HL93
- Bề rộng mặt cầu: 5,5m.
- Cầu được thiết kế bằng cầu bản hộp 3x5m đổ tại chỗ.
- Chiều dài toàn cầu $L_c = 16,5\text{m}$.
- Không lề bộ hành.
- Tần suất lũ thiết kế $P=4\%$.
- Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm.

b. Quy mô xây dựng đường:

Tuyến đường hai đầu cầu được khôi phục, sửa chữa là đường GTNT cấp B theo TCVN10380.

- Chiều dài đường đầu cầu: $L = 25,32\text{m}$.
- Mặt cắt ngang tuyến:
 - + Nền đường rộng 5,00m.
 - + Mặt đường rộng 3,50m.
 - + Lề đường rộng $2 \times 0,75\text{m}$.
 - + Kết cấu mặt đường, lề gia cố bằng BTXM.

12.5. Cầu Bù Nú (Xã Bok Tới – Huyện Hoài Ân):

a. Quy mô xây dựng cầu:

Cầu Bù Nú được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 với các thông số kỹ thuật sau:

- Kết cấu BTCT thường lắp ghép, vượt lũ lịch sử.
- Tần suất lũ thiết kế $P = 1\%$.
- Tải trọng thiết kế HL93.
- Khổ cầu: $B = 6 + 2 \times 0,5 = 7\text{m}$ (không có lề bộ hành)
- Chiều dài nhịp $L_{nhịp} = 18\text{m}$ gồm 2 nhịp.
- Chiều dài toàn cầu $L_{toàn cầu} = 52,95\text{m}$.
- Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm.

b. Quy mô xây dựng đường:

Đường hai bên đầu cầu có chiều dài $L = 296,95\text{m}$ theo tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054-2005 với quy mô đường cấp VI địa hình đồi và đồng bằng.

- Kết cấu mặt đường bằng BTXM.
- Khổ đường: $B = 5,5 + 0,5 \times 2 = 6,5\text{m}$
 - Trong đó: + Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$;
 - + Bề rộng lề đường: $B_{lề} = 0,5 \times 2 = 1\text{m}$;
- Tốc độ thiết kế: $V = 30\text{ Km/h}$
- Kết cấu mặt đường, lề gia cố bằng BTXM.

12.6. Cầu Trắng tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước:

a. Quy mô xây dựng cầu:

Cầu Trắng tại xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 với các thông số kỹ thuật sau:

- Tải trọng thiết kế: 0,65HL93.
- Tần suất thiết kế $P = 4\%$.
- Kết cấu BTCT thường lắp ghép, vượt lũ hàng năm.
- Cầu gồm 9 nhịp. $L_n = 18,0m$. Gồm 8 nhịp thường và 1 nhịp tránh xe
- Chiều dài cầu $L_c = 168,56m$ (tính đến đuôi tường cánh).
- Khổ cầu nhịp thường: $B = 4m + 2 \times 0,5m = 5,00m$
- Khổ cầu nhịp tránh xe: $B = 5,5m + 2 \times 0,5m = 6,5m$
- Lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm không gỉ

b. Quy mô xây dựng đường đầu cầu:

- Xây dựng đường theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp B (TCVN 10380-2014).

- Vận tốc thiết kế $V = 20km/h$.
- Chiều dài xây dựng đường đầu cầu: $L = 456,54m$.
- Bề rộng nền đường: $B_n = 5,0m$.

Trong đó: + Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5m$.

+ Bề rộng lề gia cố: $B_{lề g/c} = 0,5 \times 2 = 1,0m$.

+ Bề rộng lề đất: $B_{lề đất} = 0,25 \times 2 = 0,5m$.

- Kết cấu mặt đường, lề gia cố bằng BTXM.

12.7. Cầu An Mỹ tại Km45+500 của tuyến ĐT.639:

a. Quy mô xây dựng cầu:

Cầu An Mỹ được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 với các thông số kỹ thuật sau:

- Cầu xây dựng bằng BTCT DƯL.
- Tải trọng thiết kế: HL93
- Bề rộng mặt cầu: $B = 7,0m + 2 \times 0,5m = 8,0m$
- Chiều dài nhịp: $L_n = 21m$, gồm 6 nhịp. Kết cấu dầm BTCT DƯL.
- Chiều dài toàn cầu $L_c = 131,94m$.
- Không lề bộ hành.
- Tần suất lũ thiết kế $P = 1\%$.
- Lan can, tay vịn bằng thép mạ kẽm.

b. Quy mô xây dựng đường:

Tuyến đường hai đầu cầu được khôi phục, sửa chữa theo tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054-2005 với quy mô đường cấp VI địa hình đồi và đồng bằng, tốc độ thiết kế $V_{tk} = 30km/h$.

- Chiều dài đường đầu cầu: $L = 245,72m$.

Ths
6

- Mặt cắt ngang tuyến:
- + Nền đường rộng 6,50m.
- + Mặt đường rộng 3,50m.
- + Lề đường gia cố rộng 2x1,0m.
- + Lề đường không gia cố rộng 2x0,5m.
- + Kết cấu mặt đường, lề gia cố bằng BTXM.

12.8. Cầu An Xuyên tại Km46+020 của tuyến ĐT.639:

a. Quy mô xây dựng cầu:

Cầu An Xuyên được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 với các thông số kỹ thuật sau:

- Tải trọng thiết kế: HL93.
- Cầu vượt lũ vĩnh cửu.
- Tần suất thiết kế $P = 1\%$.
- Khổ cầu: $B = 7.0m + 2 \times 0.50m = 8.0m$.
- Chiều dài nhịp $L_n = 18.00m$, gồm 4 nhịp.
- Chiều dài cầu $L_c = 77.85m$ (tính từ đuôi mố).
- Lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm không gỉ.
- Kết cấu dầm BTCT thường lắp ghép.
- Gối cầu sử dụng gối cao su bản thép.

b. Qui mô xây dựng đường:

- Thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054-2005 với quy mô đường cấp VI địa hình đồi và đồng bằng.

- Vận tốc thiết kế $V = 30km/h$.
- Chiều dài xây dựng đường đầu cầu: $L = 20m$.
- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,50m$.

Trong đó: + Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5m$.

+ Bề rộng lề đất : $B_{lề} = 0,5 \times 2 = 1,0m$.

- Kết cấu mặt đường, lề gia cố bằng BTXM.

12.9. Cầu Xéo tại Km20+543 của tuyến ĐT.630:

a. Quy mô xây dựng cầu:

Cầu Xéo được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272-05 với các thông số kỹ thuật sau:

- Tải trọng thiết kế: HL93.
- Cầu vượt lũ vĩnh cửu
- Tần suất thiết kế $P = 4\%$
- Khổ cầu: $B = 7.0m + 2 \times 0.50m = 8.0m$.
- Chiều dài nhịp $L_n = 18.00m$, gồm 1 nhịp.
- Chiều dài cầu $L_c = 30,4m$ (tính từ đuôi mố).

Vlc

- Lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm loại không gỉ
- Kết cấu dầm BTCT thường lắp ghép.

b. Quy mô xây dựng đường đầu cầu:

- Thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054-2005 với quy mô đường cấp VI địa hình đồi và đồng bằng.

- Vận tốc thiết kế $V = 30\text{km/h}$.
- Chiều dài xây dựng đường đầu cầu: $L = 50\text{m}$.
- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,50\text{m}$.

Trong đó: + Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$.

+ Bề rộng lề đất : $B_{l\grave{e}} = 0,5 \times 2 = 1,0\text{m}$.

- Kết cấu mặt đường, lề gia cố bằng BTXM.

13. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng:

- Phạm vi ảnh hưởng: Ảnh hưởng đến diện tích đất đai, cây cối, hoa màu của nhân dân các huyện Hoài Nhơn, huyện Hoài Ân, huyện Phù Mỹ, huyện Phù Cát và huyện Tuy Phước.

- Cơ chế chính sách: Phương án giải phóng mặt bằng của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành Nhà nước.

- Phương thức thực hiện: UBND các huyện Hoài Nhơn, huyện Hoài Ân, huyện Phù Mỹ, huyện Phù Cát và huyện Tuy Phước thành lập Hội đồng bồi thường để giải phóng mặt bằng trong phạm vi thi công xây dựng công trình của từng địa phương.

14. Tổng mức đầu tư: 126.976.290.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ, chín trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Trong đó:

TT	Khoản mục chi phí	Tổng kinh phí (đồng)	Phân theo nguồn vốn	
			Vốn vay IDA (đồng)	Đối ứng (đồng)
1	Chi phí xây dựng và thiết bị	96.315.949.000	96.315.949.000	-
2	Chi phí quản lý dự án	1.615.481.000	-	1.615.481.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư	7.481.097.000	1.804.961.000	5.676.136.000
4	Chi phí khác	7.087.715.000	5.622.588.000	1.465.127.000
5	Chi phí bồi thường, GPMB	2.932.749.000	-	2.932.749.000
6	Chi phí dự phòng	11.543.299.000	10.374.350.000	1.168.949.000
	Tổng cộng	126.976.290.000	114.117.848.000	12.858.442.000

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay Ngân hàng Thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng Ngân sách Nhà nước.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

17. Thời gian thực hiện: 04 năm (2017 – 2020).

18. Phương thức thực hiện dự án: Theo quy định của Ngân hàng Thế giới, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định của ngân hàng Thế giới (WB).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Hoài Nhơn, huyện Hoài Ân, huyện Phù Mỹ, huyện Phù Cát và huyện Tuy Phước, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Wb*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K19 (14b) *Wb*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu
Trần Châu